

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT

Ngày: 25 - 7 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thanh Ngân

Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giêng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A.

Địa chỉ: Số A, KCN B, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Đặng H

Địa chỉ: Số A, đường T, phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn T

Địa chỉ: Phòng 1, Tòa nhà 2, phường 3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu D, Luật sư của Công ty Luật TNHH Y, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông V; địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn B

Địa chỉ: Số 103/152/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn L

Địa chỉ: Phòng Q, hộ tập thể khu 1, đường C, phường H, quận K, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Nguyễn Đ

Địa chỉ: A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Công ty TNHH B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 29/6/2017 giữa Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là nguyên đơn) với Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là bị đơn) có ký Hợp đồng thu mua chanh không hạt (Hợp đồng số HĐ.TFR.290617.01 ngày 29/6/2017), với nội dung là nguyên đơn thỏa thuận mua chanh không hạt và cam của bị đơn được canh tác và thu hoạch theo quy trình của nguyên đơn đưa ra. Để thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cho bị đơn tạm ứng tiền 04 lần, tổng cộng là 1.695.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 01/01/2019 giữa nguyên đơn với bị đơn có ký thêm phụ lục số 04 từ hợp đồng ngày 29/6/2017, nội dung nguyên đơn thỏa thuận mua thêm chanh không hạt và cam của bị đơn. Thực hiện phụ lục hợp đồng trên vào ngày 25/01/2019 nguyên đơn tiếp tục chuyển khoản tạm ứng cho bị đơn số tiền 700.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền 05 lần nguyên đơn đã cho bị đơn tạm ứng là 2.395.033.000 đồng. Sau đó bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 308.829.500 đồng và trừ đi số lượng cam và chanh nguyên đơn đã mua là 219.290.000 đồng, số tiền tạm ứng bị đơn còn nợ lại là 1.866.880.500 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã có dấu hiệu gian dối, cố ý vi phạm hợp đồng khi xuất bán sản phẩm không đạt chất lượng GAP bằng với sản phẩm

đạt chất lượng GAP, bán cam không thuộc vườn của bị đơn đã đăng ký và trái cây không đạt chất lượng. Bị đơn thừa nhận lấy nguồn hàng cam không đúng chất lượng từ bên ngoài để cung cấp cho nguyên đơn nên nguyên đơn đã gửi mail đơn phương chấm dứt hợp đồng vào ngày 04/03/2020 nhưng bị đơn không phản hồi. Đến ngày 19/11/2020 nguyên đơn có thông báo yêu cầu bị đơn trả lại số tiền còn lại là 1.866.880.500 đồng, nhưng bị đơn không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.866.880.500 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 26/11/2020 cho đến khi tắt nợ, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng với nguyên đơn như phía nguyên đơn trình bày. Số tiền nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn thì bị đơn đã đầu tư hết cho vườn chanh và cam để thực hiện hợp đồng. Đối với việc bị đơn cung cấp sản lượng từ bên ngoài vào thì tại mục 5.3 của hợp đồng quy định nguyên đơn có quyền từ chối nhận, nhưng nguyên đơn không từ chối và đã đồng ý nhận hàng thì đây không phải là lý do chấm dứt hợp đồng, việc nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng không phải lỗi của bị đơn, do đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty TNHH B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Tuyên bố Hợp đồng thu mua chanh không hạt được ký ngày 29/6/2017 và phụ lục số 04 ngày 01/01/2019 giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH B chấm dứt.

Buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A tổng số tiền là 2.515.640.108 đồng, trong đó nợ gốc 1.866.880.500 đồng, nợ lãi phát sinh là 648.759.608 đồng (lãi tạm tính đến ngày 01/02/2024).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và các quy định khác theo quy định.

Ngày 12/02/2024, Công ty TNHH B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, với lý do bị đơn đã ủy quyền cho ông Võ V tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, các ủy quyền trước đây liên quan đến vụ án này đều không còn hiệu lực, nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định bà Trần H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký kết Hợp đồng thu mua Chanh không hạt số HĐ.TFR.290617.01 ngày 29/6/2017 và phụ lục số 04 ngày 01/01/2019 (căn cứ theo Hợp đồng số HĐ.TFR.290617.01 ngày 29/6/2017).

[1.1] Nguyên đơn cho rằng để thực hiện hợp đồng trên nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn số tiền tổng cộng là 2.395.033.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, cụ thể là tại Biên bản làm việc ngày 08/02/2020 bị đơn thừa nhận đã lấy nguồn hàng cam không đúng chất lượng từ bên ngoài để cung cấp cho nguyên đơn, nên nguyên đơn đã gửi mail đơn phương chấm dứt hợp đồng vào ngày 04/3/2020 nhưng bị đơn không phản hồi.

[1.2] Bị đơn thừa nhận có nhận số tiền tạm ứng 2.395.033.000 đồng từ phía nguyên đơn để thực hiện hợp đồng, sau khi nhận tiền bị đơn đã đầu tư hết cho vườn chanh và cam vì thời hạn của hợp đồng vẫn còn.

[2] Tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/3/2019 bị đơn có xác nhận tính đến ngày 31/12/2018 đã nhận của nguyên đơn tổng số tiền 1.695.000.000 đồng và ngày 25/01/2019 nguyên đơn tiếp tục chuyển khoản tạm ứng cho bị đơn số tiền 700.000.000 đồng, tổng cộng đã tạm ứng 2.395.033.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có nhận tạm ứng từ nguyên đơn số tiền 2.395.033.000 đồng để thực hiện hợp đồng nhưng số tiền này bị đơn đã đầu tư hết cho vườn chanh và cam, tuy nhiên phía bị đơn không chứng minh được số tiền tạm ứng đã đầu tư, sử dụng vào mục đích gì và các khoản cụ thể nào. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 308.829.500 đồng và trừ đi số lượng cam, chanh đã mua là 219.290.000 đồng, do đó bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng còn lại là 1.866.880.500 đồng.

[3] Số tiền mà nguyên đơn tạm ứng cho bị đơn là để thực hiện hợp đồng, cụ thể là trồng cam và chanh, sau đó bị đơn bán cam và chanh lại cho nguyên đơn, nhưng do bị đơn vi phạm hợp đồng, không tiếp tục cung cấp cam và chanh cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã tạm ứng và tính lãi là có căn cứ và cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi suất là từ ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện là ngày 21/12/2020 là có cơ sở và có lợi cho bị đơn.

[4] Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Võ Hùng Vĩ cho rằng ngày 08/01/2024 phía bị đơn đã ủy quyền cho ông Vĩ tham gia tố tụng trong vụ án này và mọi ủy quyền trước đây liên quan tới vụ án này đều không còn hiệu lực nên việc cấp sơ thẩm xác định ông Phan H và bà Trần H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông Phan Đăng Hữu vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, còn đối với bà Trần Ngọc Hân trình bày ý kiến với tư cách là đại diện cho bị đơn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì đối lập với bị đơn và ông V cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà H tham gia tố tụng gây bất lợi cho bị đơn nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của ông V là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Như nhận định trên, cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ để chứng minh cho việc kháng cáo của mình là có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 310, Điều 317 của Luật Thương mại; Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

Tuyên bố Hợp đồng thu mua chanh không hạt được ký ngày 29/6/2017 và phụ lục số 04 ngày 01/01/2019 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên The Fruit Republic Cần Thơ và Công ty TNHH B chấm dứt.

Buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A số tiền là 2.515.640.108 đồng (hai tỷ năm trăm mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn một trăm lẻ tám đồng), trong đó nợ gốc là 1.866.880.500 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng), nợ lãi phát sinh là

648.759.608 đồng (sáu trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm lẻ tám đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 01/02/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH B phải chịu 82.312.000 đồng (tám mươi hai triệu ba trăm mười hai nghìn đồng). Công ty TNHH A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng) theo biên lai số 0006532 ngày 02/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH B phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khấu trừ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006408 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Nghệ